TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO LẠC** **TỈNH CAO BẰNG** ————————	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ————————————

Bản án số: 05/2023/HS-ST
Ngày 09/01/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LẠC - TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Thùy Ngân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Huế

Bà Quan Hồng Tiềm

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Trung Đức - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Lưu Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 52/2022/TLST-HS ngày 08 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2022/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 12 năm 2022 đối với:

Bị cáo **Đặng Văn T**, sinh ngày 08 tháng 3 năm 1992;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Xóm NĐ, xã TH, huyện BL, tỉnh CB.

Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hoá: 07/12; Dân tộc: Sán chỉ; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Đặng Văn Th, sinh năm 1955 và bà Phón Thị H, sinh năm 1963; Vợ: Hoàng Thị S, sinh năm 1998; Con: 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2017.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/11/2022 đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

* *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Nguyễn Thị Dạ Thảo - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng (Có mặt).

* *Bị hại:* Ông Hoàng Văn K, sinh năm 1976; Nơi cư trú: Xóm NĐ, xã TH, huyện BL, tỉnh CB (Có mặt).

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1988; Tạm trú tại: Tổ dân phố 6, thị trấn BL, huyện BL, tỉnh CB (Vắng mặt, không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 10/2020 ông Hoàng Văn K và Đặng Văn T cùng đi mua xe máy nhãn hiệu Honda Blade, màu đỏ trắng đen biển kiểm soát 12B1-126.87 với số tiền 15.800.000 đồng (Mười năm triệu tám trăm nghìn đồng) tại cửa hàng xe máy TP thuộc tổ dân phố 6, thị trấn BL, huyện BL, tỉnh CB do ông Nguyễn Văn P làm chủ cửa hàng. Do không đủ tiền nên ông K chỉ trả 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng) và nợ 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng) nên chưa có giấy tờ đăng ký xe và hóa đơn bán hàng. Chiếc xe máy trên ông K mua để cho cả gia đình sử dụng trong đó có T, chìa khóa treo ở cột nhà gần bàn thờ, nếu người nhà cần sử dụng thì lấy đi để sử dụng không cần phải xin phép mỗi lần dùng, sau khi sử dụng xong thì để lại chìa khóa ở chỗ cũ.

Vào sáng ngày 08/5/2022 ông K đi làm rẫy còn T ở nhà một mình thì có bạn của T (không rõ nhân thân) nhà ở huyện B, tỉnh CB gọi điện rủ đi làm ở địa phương khác với mức lương cao. Do cần tiền để làm chi phí đi lại nên T đã nảy sinh và tự ý một mình đem chiếc xe máy này đến bán cho cửa hàng xe máy TP. Khi đến nơi, T nói với ông P là xe của bố vợ T (do ông P trước đây được bán xe cho cả hai bố con T) nên ông P đồng ý mua với số tiền 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng) rồi viết giấy mua xe với T với số tiền 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng) mang tên Hoàng Văn T. Do trước đây ông K vẫn còn nợ tiền xe là 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng) nên ông P đã trừ tiền và đưa số tiền thực tế cho T là 7.200.000 đồng (Bảy triệu hai trăm nghìn đồng). Sau khi có tiền T sử dụng vào tiêu sài cá nhân và bắt xe khách đi đến Hà Nội và các địa phương khác để tìm việc làm.

Về phía ông K, cùng ngày 08/5/2022 sau khi đi làm về phát hiện không thấy chiếc xe máy. Do không thấy T ở nhà và không liên lạc được với T nên ngày 22/5/2022 ông K đến Công an huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng tố giác hành vi của T.

Ngày 26/5/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Lạc đã ban hành công văn số 10/YC-CSĐT yêu cầu định giá tài sản. Tại Kết luận định giá tài sản số 09/KL-HĐĐGTS ngày 31/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng kết luận: 01 xe máy nhãn hiệu Honda, loại Blade màu đỏ trắng đen, biển kiểm soát 12B1-126.87, số khung 3654GY801659, số máy JA36E0603523 đã qua sử dụng có trị giá 11.400.000 đồng (Mười một triệu bốn trăm nghìn đồng).

Sau khi tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Lạc đã xác minh, tuy nhiên T không có mặt tại địa phương, không thu thập được lời khai của T. Ngày 23/9/2022 việc giải quyết nguồn tin về tội phạm được tạm đình chỉ theo điểm b khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng hình sự. Ngày 27/10/2022, T đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Lạc khai nhận về hành vi của mình. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã khởi tố bị can theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Đặng Văn T thừa nhận hành vi phạm tội của mình theo như mô tả diễn biến hành vi phạm tội tại bản Cáo trạng. Hàng ngày, bị cáo thường sử dụng xe máy Honda, biển kiểm soát 12B1-126.87 để làm phương tiện đi lại mà không cần xin phép. Vì không có tiền để đi làm thuê nên bị cáo đã lợi dụng lòng tin của bố vợ đã tin tưởng cho mình sử dụng xe máy nên đã mang xe máy đi bán để lấy tiền. Sau khi bán được xe máy, bị cáo đã bắt xe khách đi Hà Nội và các tỉnh khác để kiếm việc làm.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa ông Hoàng Văn K trình bày: Ông là bố vợ của Đặng Văn T. Ngày 08/5/2022 ông phát hiện bị mất xe máy nhãn hiệu Honda Blade màu đỏ đen trắng không nhớ biển kiểm soát. Xe máy này do ông và T cùng nhau đến mua tại cửa hàng xe máy TP mua vào năm 2020 với số tiền 15.800.000 đồng (Mười năm triệu tám trăm nghìn đồng). Nguồn tiền để mua là của ông, ông mua xe máy để phục vụ nhu cầu của gia đình và các thành viên trong gia đình đều có thể sử dụng. Khi không thấy xe máy, ông có hỏi ông Tấn Văn Đ (hàng xóm ngay gần nhà ông) thì thấy ông Đ nói là khoảng 09 giờ cùng ngày thấy T mang xe máy đi. Đến ngày 22/5/2022 ông vẫn không liên lạc được với T nên ông đã đến báo Công an huyện Bảo Lạc. Ông đồng ý với kết luận của Hội đồng định giá tài sản về giá trị của xe máy. Hiện nay, ông đã nhận lại xe máy, không có yêu cầu bồi thường và xin giảm nhẹ hình phạt cho T.

Quá trình điều tra ông Nguyễn Văn P trình bày: Ông kinh doanh mua bán xe máy cũ và mới tại cửa hàng TP thuộc tổ dân phố 6, thị trấn BL, huyện BL, tỉnh Cao Bằng. Cuối tháng 10/2020 ông được bán xe máy Honda, màu đỏ trắng đen, biển kiểm soát 12B1-126.87 cho ông Hoàng Văn K với số tiền 15.800.000 đồng (Mười năm triệu tám trăm nghìn đồng). Đến ngày 08/5/2022 T mang xe máy này đến bán cho ông, ông đồng ý mua với số tiền 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng), vì trước đây, T và bố vợ đến mua xe máy này tại cửa hàng của ông. Ông không biết việc T mang xe máy đi bán chưa được sự đồng ý của của bố vợ. Nay ông đã được gia đình T bồi thường số tiền mua xe máy và ông không có yêu cầu gì thêm.

Tại bản Cáo trạng số 53/CT-VKSBL ngày 30/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng đã truy tố bị cáo Đặng Văn T về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên Tòa Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo

Đặng Văn T theo như Cáo trạng đã nêu. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự tuyên bố bị cáo phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, xử phạt bị cáo từ 09 (Chín) đến 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo;

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có thu nhập nên không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Không có yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm: Qua nghiên cứu hồ sơ và xét hỏi tại phiên tòa, nhận thấy quan điểm truy tố của Viện kiểm sát về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự là có căn cứ. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình gây ra. Tuy nhiên, khi lượng hình đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến các tình tiết: Về nhân thân của của bị cáo, bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, chưa có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã bồi thường thiệt hại, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất là 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Về án phí: bị cáo được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Đặng Văn T thừa nhận hành vi của mình là sai, là vi phạm pháp luật, không có ý kiến bổ sung quan điểm bào chữa của Người bào chữa và không tranh luận với quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Đặng Văn T thừa nhận bản Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là đúng. Hội đồng xét xử xét thấy lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ.

Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự đối với mọi hành vi do mình gây ra. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Ngày 08/5/2022 lợi dụng sự tin tưởng của ông Hoàng Văn K, bị cáo đã chiếm đoạt chiếc xe máy nhãn hiệu Honda, loại Blade màu đỏ trắng đen, biển kiểm soát 12B1-126.87 mang đi bán để lấy tiền; Hội đồng định giá kết luận, xe máy có trị giá 11.400.000 đồng (Mười một triệu bốn trăm nghìn đồng). Hành vi của bị cáo đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an ninh xã hội tại địa phương.

"Điều 175. Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản

1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả"

Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo Đặng Văn T về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân; tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Đặng Văn T sinh ra và lớn lên tại xã CP, huyện BL, tỉnh CB. Sau đó, T lấy vợ và cư trú tại xã TH, huyện BL, tỉnh CB. Bị cáo đi học đến hết lớp 7 thì bỏ học. Bị cáo có sức khỏe, được sống trong môi trường xã hội lành mạnh nhưng không tu dưỡng, rèn luyện đạo đức chỉ vì cần tiền chi tiêu cá nhân mà thực hiện hành vi phạm tội. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn bất chấp thực hiện.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho

bị cáo. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tình tiết tăng nặng: Không có.

Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, không có tiền án tiền sự nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt phù hợp đủ để răn đe, giáo dục bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên không xem xét.

- Về xử lý vật chứng: Bị hại đã nhận lại xe máy nhãn hiệu Honda, loại Blade màu đỏ trắng đen, biển kiểm soát 12B1-126.87 và không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Công văn số 206/TANDTC-PC ngày 27/12/2022 của Tòa án nhân dân tối cao: Bị cáo được miễn án phí theo quy định của Pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự: Tuyên bố bị cáo Đặng Văn T phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", xử phạt bị cáo 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã TH, huyện BL, tỉnh CB giám sát, giáo dục.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Công văn số 206/TANDTC-PC ngày 27/12/2022 của Tòa án nhân dân

tối cao: Bị cáo được miễn án phí theo quy định của Pháp luật.

3. Án xử sơ thẩm có mặt bị cáo, bị hại, vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh; VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Công an huyện; Nhà tạm giữ;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã TH;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TÔ THỊ THÙY NGÂN